

Bản án số: 05/2019/HS-ST

Ngày: 26 - 02 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sinh Thành

Ông Nguyễn Thành Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Đắc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Ngọc D, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1983 tại xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Ngọc V và bà Phạm Thị T; có vợ: Bùi Thị N; có 02 con sinh năm 2007 và 1 con sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Bị hại: Công ty cổ phần A, có Trụ sở tại 421 đường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tiến L, Tổng Giám đốc Công ty.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án: Ông Tào Viết L, Trưởng Trung tâm L, 77 đường P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan: Công ty Trách nhiệm hữu hạn K, có Trụ sở tại Lầu 6, toà nhà C, Số 3 đường N, Phường 12, Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Huỳnh Tử T, Tổng Giám đốc Công ty.

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Đôn L - Phó Tổng Giám đốc Công ty. Vắng mặt. Ngày 22 tháng 02 năm 2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn K có Công văn số 02/2019/KRT VN đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Ngô Duy H lái xe đầu kéo Biển số 43C – 058.51 kéo theo Rơ moóc Biển số 43R – 022.49 của Công ty cổ phần A, cư trú tại 68/18 đường V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên BOT T, có Trụ sở tại phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Điện lực L, có địa chỉ tại: Xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt. Có Công văn số 53/ĐLLT-CV ngày 12 tháng 02 năm 2019 đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi liên quan nhưng bị cáo; người bị hại; Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vụ án, Hội đồng xét xử thấy những người vắng mặt đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 8 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 9 năm 2018 tại KM 704+400, Trần Ngọc D điều khiển xe ô tô tải Biển số 36C - 096.36 đi theo hướng từ Nam ra Bắc, khi đến đường tránh lữ BOT, Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình, do thiếu quan sát, điều khiển tránh vượt lần đường xe ngược chiều đã va chạm với xe ô tô đầu kéo Biển số 43C – 058.51, kéo theo Sômi rơ moóc Biển số 43R - 022.49 của Công ty cổ phần A đang đi theo hướng từ Bắc vào Nam do ông Ngô Duy H điều khiển gây tai nạn.

Hậu quả xe ô tô tải Biển số 36C - 096.36 bị hư hỏng; xe ô tô đầu kéo Biển số 43C – 058.51, kéo theo Sômi rơ moóc Biển số 43R - 022.49 bị hư hỏng. Rơ moóc xe chở Container có ký hiệu KLNU 1000550 K, màu đỏ bị hư hỏng. Số hàng hóa trên xe được xác định chủ sở hữu là Công ty TNHH K, là những thiết bị linh kiện điện tử đã được bảo quản chân không và kẹp chì cối số 180917 và C/170241278 của Cơ quan Hải quan thuộc diện hàng quá cảnh sang địa phận Việt Nam.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Đoạn đường nơi xảy ra vụ tai nạn giao thông đường vòng cong sang phải, phía Bắc và phía Nam đường thấp dần, mặt đường được rải nhựa phẳng, việc khám nghiệm hiện trường được tiến hành theo hướng Bắc - Nam (Đ, Quảng Bình đi Đ, Quảng Trị). Phần đường của xe cơ giới

bên phải rộng 3,5m, bên trái rộng 3,45m, ở giữa có vạch sơn màu vàng ngắt quãng, hai bên có hai vạch sơn màu trắng, phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải rộng 2m, bên trái rộng 2,15m.

Cột mốc H4 -704 phía ngoài lề đường bên phải được dùng làm điểm mốc để khám nghiệm. Tâm vạch sơn trắng bên phải được dùng làm vạch chuẩn để khám nghiệm.

Ghi nhận việc đánh số thứ tự theo số tự nhiên vị trí phương tiện, tang vật, dấu vết: Vị trí số 1: Vết phanh; vị trí số 2: Vết in lốp xe cà trượt; Vị trí số 3: Tâm đám mảnh vỡ; Vị trí số 4: Vết chất màu đen; Vị trí số 5: Vết phanh không liên tục.

Mô tả theo số thứ tự vị trí phương tiện, tang vật, dấu vết:

Cách cột mốc H4-704 về phía Bắc 30,8m trên phần đường của xe cơ giới bên trái cách tâm vạch sơn trắng bên phải 5,57m là mép ngoài điểm tiếp đất của bánh sau bên trái xe ô tô Biển số 36C- 096.36. Sau tai nạn, xe ô tô Biển số 36C-096.36 dừng trên phần đường của xe cơ giới và xe thô sơ, người đi bộ bên trái, đầu hướng Bắc, đuôi hướng Nam, mép ngoài điểm tiếp đất của bánh trước bên trái cách tâm vạch sơn trắng bên phải 5,7m, gương chiếu hậu bên trái bị vỡ, sườn xe bên trái có vết va chạm làm rách bạt, móp méo.

Cách cột mốc H4-704 về phía Nam 37m trên phần đường của xe cơ giới bên trái cách tâm vạch sơn trắng bên phải 5,8m là điểm cuối của vết phanh được ký hiệu 1 trên sơ đồ, vết phanh 1 dài 2,87m, rộng 0,45m, mỗi vết phanh có ba vết dính chất màu đen, mỗi vết rộng 0,04m, khoảng cách giữa hai vết phanh là 0,2m. Điểm đầu của vết phanh 1 cách tâm vạch sơn trắng bên phải 5,4m, vết phanh 1 có hướng Nam- Bắc.

Cách điểm cuối vết phanh 1 về phía Nam 19,77m trên gờ bê tông phía ngoài mép đường nhựa bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 2,07m là điểm đầu của vết hằn lốp, cà trượt, nứt vỡ được ký hiệu 2 trên sơ đồ. Vết 2 dài 40,1m, rộng 1,68m trên vết 2 có một cọc tiêu bị gãy, điểm cuối là điểm dừng bánh trước bên phải xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 nằm dưới lòng máng ngoài mép đường nhựa bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 2,75m, cọc tiêu bị gãy để lộ 2 lõi thép.

Cách điểm đầu vết 2 về phía Đông Nam 2,37m trên phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 0,33m là tâm của đám mảnh vỡ nhựa, kính. Đám mảnh vỡ này có kích thước 8m x 3,5m. Tâm đám mảnh vỡ được ký hiệu 3 trên sơ đồ.

Cách điểm đầu vết 2 về phía Nam 5,2m trên phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 0,97m là điểm đầu của vết chày có dính chất màu đen được ký hiệu 4 trên sơ đồ. Vết chày 4 dài 3,43m rộng 0,48m có hướng Bắc Nam điểm cuối nằm trên phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 1,33m.

Cách điểm đầu vết 2 về phía Đông Nam 7,95m trên phần đường của xe cơ giới bên trái cách tâm vạch sơn trắng bên phải 3,6m là điểm cuối của vết phanh được ký hiệu 5 trên sơ đồ. Vết phanh 5 không lên tục dài 8,9m rộng 0,45m có hướng Nam Bắc. Điểm đầu nằm trên phần đường của xe cơ giới bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 3,2m.

Cách điểm đầu vết 2 về phía Nam 25,5m bên ngoài mép đường nhựa bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 3,2m là vị trí mép ngoài trục sau bên phải của rơ móc Biển số 43R - 022.49, sau tai nạn xe rơ móc bị lật nghiêng sang phải phía ngoài mép đường nhựa bên phải trên máng thoát nước bằng bê tông, bánh trục sau mép ngoài trục sau bên phải xe ô tô đầu kéo Biển số 43C - 058.51 nằm trên phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 1,83m. Sau tai nạn, xe ô tô đầu kéo phần sau bị xoay lệch, mép ngoài trục sau bên trái hướng lên trời. Mặt tiếp đất của bánh trước bên phải nằm dưới lòng máng thoát nước phía ngoài mép đường nhựa bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 2,75m. Bánh trước bên trái nằm trên phần đường của xe thô sơ, người đi bộ bên phải cách tâm vạch sơn trắng bên phải 1,3m; đầu xe ô tô đầu kéo hướng Nam, đuôi hướng Bắc, kính chắn gió phía trước bị vỡ.

Trên hiện trường còn vương vãi nhiều mảnh nhựa màu đen, màu xanh, mảnh kính của xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 và xe ô tô Biển số 36C-096.36.

Phía ngoài mép đường nhựa bên phải có trụ bê tông hàng rào dây thép gai bảo vệ của Cơ quan điện lực bị gãy đổ.

Kết quả khám phương tiện liên quan vụ tai nạn giao thông:

Dấu vết trên phương tiện xe ô tô Biển số 36C- 096.36: Gương chiếu hậu trên bên trái mặt trước có vết cà trượt, hộp gương bị bung rời khỏi vị trí; gương phía dưới ốp nhựa mặt trước bị bung rời, phần gương bị vỡ; thành xe bên trái có đám cà trượt còn dính chất màu xanh ở bên lề, đám cà trượt có kích thước 7,26m x 2,3m, điểm bắt đầu cách thành thùng xe về phía trước 2,38m, điểm thấp nhất so với mặt đất 1,18m; mặt ngoài lớp ngoài hàng lớp thứ hai bên trái tính từ trước ra sau có hai đám cà trượt, đám 1 kích thước 0,91m x 0,16m, đám 2 kích thước 1m x 0,46m.

Dấu vết trên phương tiện xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51: Kính chắn gió phía trước bên phải bị bung rời, bên trái bị vỡ; nắp đậy trước đầu xe bị bung rời khỏi vị trí ban đầu; ba đòn xóc bị bung rời khỏi vị trí ban đầu, giá gắn ba đòn xóc phía bên phải bị cong hướng từ trước ra sau; két nước, két làm mát máy lạnh bị hư hỏng; Gi men nhíp trước bên phải bị bung rời khỏi vị trí ban đầu; cụm đèn phía trước bên phải bị bung rời, bên trái bị nứt vỡ; thang lên xuống hai bên bị gãy rời; góc trước bên phải của ca bin bị cong hướng từ trước ra sau, từ ngoài vào trong; cửa lên xuống bên phải bị vỡ kính, móp méo trượt sơn; cửa lên xuống bên trái bị vỡ kính, cong móp trượt sơn; gương chiếu hậu hai bên bị gãy rời; phần sau

bên phải của ca bin bị móp méo trượt sơn, vỡ kính; lớp trước bên phải bị vỡ bong ra khỏi xe; cặp bánh hàng thứ hai bên phải bị vỡ; hai bình đựng nhiên liệu bị móp méo rách thủng; bầu lọc gió bị hư hỏng, bung nắp; mặt ngoài bên trái thành xe có đám cà trượt kích thước 1,03m x 0,93m; xác xi bị cong vênh; trục các đăng bị gãy; cầu chuyển động 2,3 bị vỡ.

Dấu vết trên phương tiện xe ô tô rơ moóc Biển số 43R- 022.49: Toàn bộ mặt phía bên phải của thùng xe bị cà trượt, tróc sơn, móp méo, ở 1/4 trước có vết va chạm làm cong, gãy hai trụ đứng và rách phần thùng xe 1,8m; mặt ngoài của hai lớp sau bên phải có vết xây xát chạy theo vòng lốp; bánh ngoài sau cùng bên phải bị vỡ, la răng bị cong vênh; chấn bunn sau bên phải bị cong móp, trượt sơn kích thước 1,8m x 0,2m; giá bảo vệ đuôi xe phía bên phải bị cong theo hướng từ trước ra sau.

Tại bản Kết luận giám định số 1092/GĐ - PC09 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, Kết luận: Đã xảy ra va chạm giữa xe ô tô tải Biển số 36C- 096.36 với xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 kéo theo rơ moóc Biển số 43R- 022.49. Cụm gương chiếu hậu bên trái xe ô tô Biển số 36C- 096.36 va chạm với cụm gương chiếu hậu bên trái xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 kéo theo rơ moóc Biển số 43R- 022.49 theo hướng từ trước ra sau so với trục chuyển động của xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 kéo theo rơ moóc Biển số 43R- 022.49. Mặt ngoài bên trái thùng xe ô tô Biển số 36C- 096.36 va chạm với mặt ngoài bên trái thành xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51; mặt ngoài bên trái thùng hàng chở trên sơ mi rơ moóc Biển số 43R- 022.49 theo hướng từ trước ra sau theo trục chuyển động của xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 kéo theo sơ mi rơ moóc Biển số 43R- 022.49.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lệ Thủy có Công văn số 430/CSĐT trung cầu Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy xác định thiệt hại của xe ô tô đầu kéo có Biển số 43C - 058.51; thiệt hại của sơ mi rơ moóc Biển số 43R - 022.49; thiệt hại của xe ô tô tải có mui Biển số 36C- 096.36; Thiệt hại của linh kiện máy tính điện tử có nguồn gốc từ nước ngoài trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy có Công văn số 01/CV- HĐĐG về việc từ chối định giá thiệt hại của linh kiện máy tính điện tử có nguồn gốc từ nước ngoài trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K do chưa cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản cần định giá.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, Công ty TNHH K (chủ sở hữu của hàng hóa trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K) và Công ty K đề nghị các cơ quan chức năng Việt Nam không mở kiểm tra xác định thiệt hại về hàng hóa trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K và đề nghị bàn giao số hàng hóa trong thùng Container có liên quan đến vụ tai nạn và cam kết sẽ tự chịu trách

nhiệm, không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự liên quan thiệt hại hàng hóa nếu có.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các thủ tục kiểm tra và bàn giao cho Công ty TNHH K.

Ngày 30 tháng 9 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Lệ Thủy có Kết luận định giá tài sản số 43/KL- HĐĐG kết luận:

Xe ô tô đầu kéo có Biển số 43C- 058.51, có giá trị thiệt hại là: 123.100.000 đồng;

Sơ mi rơ moóc Biển số 43R- 022.49 có giá trị thiệt hại là: 20.900.000 đồng.

Ngoài ra, tai nạn còn gây hư hỏng công trình đường bộ và hàng rào của Điện lực huyện Lệ T, ngày 06 tháng 11 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Lệ Thủy có Kết luận định giá tài sản số 58/KL - HĐĐG kết luận: Giá trị thiệt hại công trình giao thông đường tránh BOT, Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình gồm cọc tiêu, máng thoát nước: 5.324.000 đồng; Giá trị thiệt hại công trình 05 cọc hàng rào bằng bê tông của Điện lực Lệ T: 200.000 đồng.

Tổng giá trị thiệt hại do tai nạn gây ra là: 149.524.000 đồng (Một trăm bốn mươi chín triệu năm trăm hai mươi bốn ngàn đồng).

Đối với xe ô tô tải có mui Biển số 36C- 096.36 có giá trị thiệt hại là: 4.000.000đ nhưng là tài sản của Trần Ngọc D nên không đưa vào tang số xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trần Ngọc D.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã thu giữ và xử lý trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp những đồ vật, tài liệu sau:

Trả lại cho Công ty cổ phần A: 01 (một) xe ô tô đầu kéo Biển số đăng ký 43C - 058.51, nhãn hiệu FOTON, màu sơn xanh, số máy 21413D023320, số khung PEB0DL009009, xe đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra chi tiết bên trong xe; 01 (một) sơ mi rơ moóc Biển số đăng ký 43R - 022.49, nhãn hiệu CIMC, màu sơn đỏ, số khung 4387J1009706, sơ mi rơ moóc đã qua sử dụng, sơ mi rơ moóc bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra chi tiết bên trong; Thùng container có ký hiệu KLNU 1000550 K, màu đỏ bị hư hỏng. Hàng hóa bên trong không kiểm tra và đã được kẹp chì của cơ quan Hải Quan. (BL: 112,113,116,121-125).

Trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K (chủ sở hữu của hàng hóa trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K): 01 Container có ký hiệu KLNU 2000154 K có kẹp chì số 0061861 bên trong có 48 thùng hàng (số hàng này được san từ thùng hàng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K sau tai nạn). Theo yêu cầu của bà CHEUNG LONG Y, quốc tịch: Hồng K (Trung Q) là trợ lý Tổng giám đốc Công ty K được đại diện theo ủy quyền, không yêu cầu Cơ quan chức năng Việt Nam mở kiểm tra bên trong tránh hư hỏng hàng hóa và được kẹp

chì mới số DA 256429 và không yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến lô hàng trên.

Trong giai đoạn truy tố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã trả lại cho ông Ngô Duy H ở phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng 01 (một) giấy phép lái xe ô tô mang tên Nguyễn Duy H, số 480999481015.

Hiện còn tạm giữ: 01 (một) xe ô tô tải có mui Biển số đăng ký 36C-096.36, nhãn hiệu ISUZU, màu sơn trắng, số máy 6HK1666182, số khung M34WE7001951, đã qua sử dụng, xe bị hư hỏng do va chạm giao thông, không kiểm tra chi tiết bên trong xe. Không tạm giữ hàng hóa trên xe của chủ sở hữu Trần Ngọc D (đã chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình).

Các giấy tờ của Trần Ngọc D gồm:

- 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Ngọc D, số 380058381604.
- 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm đối với xe ô tô Biển số 36C -096.36, số 004478281.
- 01 (một) sổ chứng nhận kiểm định xe ô tô tải có mui Biển số đăng ký 36C-096.36, số KC4639548.
- 01 (một) Giấy phô tô có công chứng giấy đăng ký xe ô tô Biển số đăng ký 36C-096.36.

Các giấy tờ của Công ty cổ phần A, địa chỉ: 421 đường T, thành phố Đà Nẵng gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm xe ô tô 43C – 058.51, số 1178383.
- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô đầu kéo biển số đăng ký 43C – 058.51, số KC 4236273;
- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định rơ móc, sơ mi rơ móc, biển số đăng ký 43R-022.49, số 5834276;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đầu kéo, Biển số đăng ký 43C – 058.51, số 032623;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, sơ mi rơ móc Biển số đăng ký 43R-022.49, số 002576;
- 01 (một) Giấy phép liên vận Việt - Lào rơ móc, sơ mi rơ móc Biển số đăng ký 43R-022.49 số 1149;
- 01 (một) Giấy phép liên vận Việt - Lào xe ô tô đầu kéo, Biển số đăng ký 43C – 058.5 số 2340.

Các giấy tờ, tài liệu trên chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Bị cáo Trần Ngọc D đã tự nguyện thỏa thuận với Công ty cổ phần A đền bù thiệt hại phương tiện xe ô tô đầu kéo Biển số 43C- 058.51 và rơ móc Biển số 43R - 022.49, thiệt hại công trình giao thông đường bộ liên quan vụ tai nạn là 100.000.000đ. Công ty A và Công ty Cổ phần tập đoàn T nhà đầu tư dự án Quốc lộ 1A đoạn có thiệt hại công trình giao thông đã tự thỏa thuận đền bù dân sự khắc phục hậu quả xảy ra.

Điện lực L đã có Công văn không yêu cầu đền bù dân sự 05 cọc bê tông hàng rào bị hỏng nên không xem xét.

Thiệt hại tài sản vỏ thùng Container trị giá 11.000.000đồng của Công ty K (do Công ty K là đại diện) đã ủy quyền cho Công ty cổ phần A giải quyết (theo hợp đồng vận chuyển hàng hóa). Buộc Trần Ngọc D tiếp tục bồi thường theo quy định.

Cáo trạng số 11/CT-VKS-P2 ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc D khai nhận nội dung vụ án và hành vi bị cáo “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

Đại diện bị hại là Công ty cổ phần A, đề nghị xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, đề nghị trả lại các giấy tờ xe cho Công ty cổ phần A, buộc bị cáo Trần Ngọc D bồi thường 11.000.000 đồng thiệt hại vỏ thùng Container của Công ty K (do Công ty K là đại diện) đã ủy quyền cho Công ty cổ phần A giải quyết (theo hợp đồng vận chuyển hàng hóa).

Ông Ngô Duy H lái xe đầu kéo Công ty cổ phần A đề nghị xét xử vụ án theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Trần Ngọc D về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt, có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Ngọc D từ 24 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ từ 10% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt (theo mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng) là 700.000 đồng/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Ngọc D phải bồi thường 11.000.000 đồng thiệt hại vỏ thùng Container của Công ty K đã ủy quyền cho Công ty cổ phần A.

Đề nghị trả lại xe ô tô cùng các giấy tờ liên quan cho bị cáo Trần Ngọc D.

Trả lại các giấy tờ liên quan phương tiện vận tải cho Công ty cổ phần A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc D, người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Theo đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1] Về tội danh đối với bị cáo Trần Ngọc D theo truy tố của Viện kiểm sát:

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án như: Lời khai nhận sự việc bị cáo điều khiển xe ô tô tải biển số 36C- 096.36 tham gia giao thông vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ gây tai nạn với xe ô tô Biển số 43C- 58.51 kéo theo Rơ moóc vào lúc khoảng 8 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 9 năm 2018 tại KM 704+400 trên đường tránh lũ BOT, Quốc lộ 1A thuộc địa phận thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình; phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông; Phù hợp với biên bản khám nghiệm phương tiện tham gia giao thông gây tai nạn; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan là lái xe ô tô Biển số 43C- 58.51 kéo theo Rơ moóc biển số 43 R – 002.49; phù hợp với Kết luận giám định số 1092/GĐ - PC09 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình về tai nạn của 2 xe ô tô tham gia giao thông; các Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Lệ Thủy về thiệt hại của xe ô tô đầu kéo có Biển số 43C - 058.51; thiệt hại của sơ mi rơ moóc Biển số 43R - 022.49; thiệt hại hư hỏng công trình đường bộ của Công ty TNHH một thành viên BOT T và hàng rào của Điện lực huyện L. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc D có đủ yếu tố cấu thành của tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” được quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và ý kiến của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử sơ thẩm vụ án.

[2] Về hình phạt đối với bị cáo Trần Ngọc D:

Bị cáo Trần Ngọc D điều khiển xe ô tô tải tham gia giao thông gây tai nạn, thiệt hại về tài sản do tai nạn gây ra là 149.524.000 đồng nên bị truy tố và xét xử về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm d khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, “Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”, có hình phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài

sản của bị hại, người có quyền lợi liên quan, vi phạm Pháp luật hình sự mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải được xử phạt nghiêm khắc đủ tác dụng trừng trị riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội đối với loại tội phạm đang có chiều hướng gia tăng hiện nay.

Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải. Đã bồi thường 100.000.000 đồng khắc phục thiệt hại theo thỏa thuận cho Công ty cổ phần A và Công ty TNHH một thành viên BOT T do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Theo hậu quả tai nạn mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ như quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa là thỏa đáng.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Ngọc D phải chịu hình phạt bổ sung là khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo mức thu nhập bình quân được bị cáo thừa nhận 7.000.000 đồng/tháng với số tiền khấu trừ 700.000 đồng/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

[3] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc D điều khiển xe ô tô tải tham gia giao thông gây tai nạn, thiệt hại về tài sản 149.524.000 đồng, quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường 100.000.000 đồng cho bị hại là Công ty cổ phần A và người có quyền lợi liên quan là Công ty TNHH một thành viên BOT T theo thỏa thuận. Tại phiên tòa chỉ có Công ty cổ phần A yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền 11.000.000 đồng thiệt hại do hư hỏng vỏ thùng Container của Công ty K đã uỷ quyền cho Công ty cổ phần A giải quyết nên buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định của Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thiệt hại của Công ty TNHH một thành viên BOT T đã được bị cáo Trần Ngọc D bồi thường đủ theo thỏa thuận; Điện lực huyện L có thiệt hại về tài sản nhưng không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Công ty TNHH K và Chi nhánh Công ty K, trong quá trình điều tra đã đề nghị các cơ quan chức năng Việt Nam không mở kiểm tra xác định thiệt hại về hàng hóa trong thùng Container có ký hiệu KLNU 1000550 K và đề nghị bàn giao số hàng hóa trong thùng Container có liên quan đến vụ tai nạn và cam kết sẽ tự chịu trách nhiệm, không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự liên quan thiệt hại hàng hóa nếu có nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm bồi thường đối với bị cáo Trần Ngọc D.

[4] Về xử lý tang vật vụ án:

Xe ô tô tải Biển số 36C - 096.36 cùng các giấy tờ liên quan đang thu giữ được xác định của Trần Ngọc D nên trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D; Các giấy tờ liên quan theo phương tiện vận tải được xác định của Công ty cổ phần A nên được trả lại cho Công ty cổ phần A theo quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo:

Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH/14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm:

Bị cáo Trần Ngọc D, Công ty cổ phần A; các người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự để yêu cầu xét xử vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Ngọc D.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc D 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Ngọc D tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực của Tòa án.

Giao bị cáo Trần Ngọc D cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Ngọc D phải thực hiện một số nghĩa vụ theo quy định về cải tạo không giam giữ;

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, bị cáo Trần Ngọc D bị khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng (theo mức thu nhập bình quân 7.000.000 đồng/tháng) là 700.000 đồng/tháng để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại của bị cáo.

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Ngọc D bồi thường cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn K 11.000.000 đồng do thiệt hại hư hỏng vỏ thùng Container được uỷ quyền cho Công ty cổ phần A giải quyết bồi thường.

4. Về xử lý tang vật vụ án:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D 01 (một) xe ô tô tải có mui Biển số đăng ký 36C-096.36, nhãn hiệu ISUZU, màu sơn trắng, số máy 6HK1666182, số khung M34WE7001951, đã qua sử dụng, tình trạng theo Biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 03 tháng 01 năm 2019 giữa cán bộ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình với cán bộ Cục thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Bình.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc D các giấy tờ có tại hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) Giấy phép lái xe ô tô mang tên Trần Ngọc D, số 380058381604.
- 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm đối với xe ô tô Biển số 36C -096.36, số 004478281.
- 01 (một) Sổ chứng nhận kiểm định xe ô tô tải có mui Biển số đăng ký 36C-096.36, số KC4639548.
- 01 (một) Giấy pho tô có công chứng giấy đăng ký xe ô tô Biển số đăng ký 36C-096.36;

Trả lại cho Công ty cổ phần A các giấy tờ có tại hồ sơ vụ án gồm:

- 01 (một) Giấy chứng nhận Bảo hiểm xe ô tô 43C – 058.51, số 1178383.
- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô đầu kéo biển số đăng ký 43C – 058.51, số KC 4236273;
- 01 (một) Giấy chứng nhận kiểm định rơ móc, sơ mi rơ móc, biển số đăng ký 43R-022.49, số 5834276;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đầu kéo, Biển số đăng ký 43C – 058.51, số 032623;
- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký rơ móc, sơ mi rơ móc Biển số đăng ký 43R-022.49, số 002576;
- 01 (một) Giấy phép liên vận Việt - Lào rơ móc, sơ mi rơ móc Biển số đăng ký 43R-022.49 số 1149;
- 01 (một) Giấy phép liên vận Việt - Lào xe ô tô đầu kéo, Biển số đăng ký 43C – 058.5 số 2340.

5. Về án phí vụ án:

Căn cứ khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 3, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Danh mục án phí.

Bị cáo Trần Ngọc D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; phải nộp 550.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”.

Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

6. Bị cáo Trần Ngọc D; bị hại Công ty cổ phần A; các người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (26 tháng 02 năm 2019);

Các người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án sơ thẩm.

Đề yêu cầu xét xử phúc thẩm vụ án.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Q Bình;
- Bị cáo Trần Ngọc D;
- Viện KS ND cấp cao tại ĐN;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi liên quan;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CAQB;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Cục THA DS tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC (khi án sơ thẩm có HLPL);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Việt

